

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1997;

ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện T, thành phố H.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1991;

ĐKKHKT: Số 345 H, thị trấn Y, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2022;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Việt T.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Việt T, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị M và anh T xác định anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 06/11/2021.

Giao cháu Nguyễn Minh Q cho chị M là mẹ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q, ghi nhận sự tự nguyện của anh T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 4/2022 đến khi cháu Q trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị M và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Chị M và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Tuyết M chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0073143 ngày 29/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND thị trấn Y (ngày 17/6/2021);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Tạ Thị Ngân**